

CH S GIÁ TIÊU DÙNG
CH S GIÁ VÀNG VÀ CH S GIÁ ĐÔ LA M C N C
KHU V C THÀNH TH
Tháng 8 năm 2010

Đ n v tính: %

	CH S GIÁ THÁNG 8 NĂM 2010 SO V I				Bình quân 8 tháng đ u năm 2010 so v i 8 tháng đ u năm 2009
	Kỳ g c năm 2009	Tháng 8 năm 2009	Tháng 12 năm 2009	Tháng 7 năm 2010	
CH S GIÁ TIÊU DÙNG	109,61	109,02	105,52	100,21	109,55
I, Hàng ăn và d ch v ăn u ng	111,64	111,30	107,32	100,31	110,62
1- L ng th c	109,81	111,98	102,92	100,51	112,32
2- Th c ph m	110,82	111,63	108,79	100,24	110,26
3- Ăn u ng ngoài gia đình	114,94	109,90	107,74	100,34	110,50
II, Đ u ng và thu c lá	110,45	108,68	105,76	100,25	108,65
III, May m c, mũ nón, gi y dép	107,28	107,47	105,01	100,50	107,20
IV, Nhà và v t li u xây d ng ^(*)	118,93	114,13	109,71	100,12	116,70
V, Thi t b và đ dùng gia đình	104,66	104,88	103,83	100,44	105,28
VI, Thu c và d ch v y t	102,49	103,43	102,34	100,35	103,20
VII, Giao thông	111,96	109,03	102,09	100,38	116,48
VIII, B u chính vi n thông	89,48	93,81	94,01	95,32	95,98
IX, Giáo d c	104,23	111,47	102,12	101,04	110,59
X, Văn hoá, gi i trí và du l ch	106,95	105,48	104,94	100,24	104,29
XI, Hàng hoá và d ch v khác	114,06	111,66	108,65	100,16	112,77
CH S GIÁ VÀNG	144,81	132,35	101,56	99,12	137,78
CH S GIÁ ĐÔ LA M	109,92	105,41	101,27	100,48	107,05

^(*) Nhóm này bao g m: ti n thuê nhà , đi n, n c, ch t đ t và v t li u xây d ng